

LÝ THUYẾT "TRUNG TÂM VÀ NGOẠI VI" TRONG NGHIÊN CỨU KHÔNG GIAN VĂN HOÁ

NGÔ ĐỨC THỊNH^(*)

1. Từ thuyết "truyền bá" đến thuyết "trung tâm và ngoại vi"

Thuyết "trung tâm" trong nghiên cứu văn hoá đã được các nhà nghiên cứu thuộc trường phái "Truyền bá luận" (diffusionism) Tây Âu nêu từ những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Đại diện chính của trường phái này là các nhà nghiên cứu Đức - Áo như F. Ratzel, L. Frobenius, F. Grabner, W. Schmidt (F. Ratzel, 1882; F. Grabner, 1911; W. Schmidt, 1927). Họ chủ trương rằng, các sáng tạo văn hoá của nhân loại bao giờ cũng xuất phát điểm từ một nơi, thuộc một cộng đồng nào đó, rồi sau đó lan truyền đi các nơi khác và chính sự lan truyền ấy tạo nên động lực của sự phát triển văn hoá nói riêng và của xã hội nói chung. Điều đó cũng có nghĩa là đối với một số cộng đồng, sự tiến bộ văn hoá chủ yếu do vay mượn chứ không phải do sự sáng tạo độc lập của cộng đồng ấy (A. Perisk, 1972, tập 8). Hơn nữa, trước các nhà "truyền bá luận", nhiều nhà nghiên cứu đã nói tới các hiện tượng "thiên di", "lan tỏa", "mô phỏng" văn hoá, tức là đề cập tới một thuộc tính cơ bản của văn hoá đó là sự giao lưu, ảnh hưởng, là sự chia sẻ các giá trị văn hoá.

Từ lý thuyết *khuyếch tán*^(**), các nhà truyền bá luận đã ứng dụng trong nghiên cứu văn hoá của nhiều khu vực khác nhau trên thế giới, nhất là ở châu Úc, châu Á, châu Phi, xung quanh các nền văn minh lớn như Ai Cập, Hy Lạp - La Mã cổ đại..., từ đây cũng xuất hiện các ý tưởng đầu tiên về không gian phân bố của các "vòng văn hoá", như "vòng văn hoá mẫu hệ", "vòng văn hoá bumarăng", "vòng văn hoá cung tên", "vòng văn hoá thiên táng"...

Rõ ràng rằng, việc các nhà truyền bá luận nêu thuộc tính về sự lan tỏa, khuyếch tán của văn hoá và vai trò của nó trong phát triển văn hoá của nhân loại là điều hợp lý và đúng đắn. Tuy nhiên, như sau này, những người theo chủ nghĩa chủng tộc quá đề cao vai trò của khuyếch tán, truyền bá, đến mức quy khả năng sáng tạo văn hoá cho một

^(*) GS. TS., Viện Nghiên cứu văn hoá.

^(**) Quan điểm chủ yếu của những người theo thuyết này là văn hoá được hình thành từ một trung tâm rồi được "truyền bá", "lan tỏa" ra các nơi khác bằng cách mô phỏng hoặc nhờ những cuộc thiên di của các dân tộc. Có lan tỏa toàn bộ hoặc lan tỏa bộ phận (truyền bá những yếu tố riêng lẻ của một nền văn hoá), lan tỏa liên tục (trực tiếp từ nơi phát sinh) hoặc lan tỏa thứ sinh.

số dân tộc, một số vùng, tất nhiên là các dân tộc thượng đẳng ở châu Âu, và phủ nhận khả năng sáng tạo văn hoá của các dân tộc, các vùng khác, mà thường đó là châu Á, châu Phi, rằng họ chỉ có khả năng tiếp nhận văn hoá mà thôi, thì đó lại là một quan điểm cực đoan, sai trái của những kẻ theo chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa trung tâm châu Âu.

Tiếp thu những mặt tích cực của truyền bá luận về trung tâm sáng tạo văn hoá và sự lan truyền văn hoá từ trung tâm, F. Boas và L.C. Wissler, đại diện xuất sắc của những nhà nhân học Mỹ, đã phát triển lý thuyết trung tâm trong việc hình thành các “vùng văn hoá” của người Indian ở Bắc Mỹ (CL. Wissler, 1922). Thay vì chọn một đặc trưng văn hoá tiêu biểu, như mẫu hệ, cung tên, bumarăng, hình thức thiên táng... và vẽ ra các “vòng văn hoá” phân bố đặc trưng văn hoá đó, thì vào đầu thế kỷ XX, các nhà nhân học Mỹ đã chọn cách đưa ra một tập hợp các đặc trưng văn hoá tiêu biểu, gọi là “*típ văn hoá đặc trưng*”, những cái đó là sản phẩm của các “*bộ lạc đặc trưng*”, nó đóng vai trò là trung tâm của việc hình thành vùng văn hoá và bước đầu đưa ra những dự cảm về mối quan hệ hai chiều giữa trung tâm và ngoại vi vùng văn hoá. Tuy nhiên, CL. Wissler chừng nào vẫn chịu ảnh hưởng của truyền bá luận, do vậy, trong mối quan hệ giữa trung tâm và ngoại vi, ông vẫn nhấn mạnh đến vai trò lan toả, khuếch tán từ trung tâm hơn là sự tác động trở lại của ngoại vi đối với trung tâm.

Sau CL. Wissler, A.L. Kroeber đã phát triển quan điểm về trung tâm văn hoá. Theo ông, không thể cho rằng tất cả

các nhân tố văn hoá đều được sáng tạo và phổ biến từ một nhóm trung tâm, mà mỗi một bộ lạc đều có thể tham gia vào việc sáng tạo những giá trị văn hoá đặc trưng của vùng. Chỉ khác là ở trung tâm thì văn hoá biến đổi sống động hơn, chuyên môn hoá sâu hơn (A.L. Kroeber, 1925).

Như vậy, từ lý thuyết “truyền bá luận văn hoá” Tây Âu cuối thế kỷ XIX đến thuyết “trung tâm văn hoá” trong nghiên cứu vùng văn hoá của nhân học Mỹ đầu thế kỷ XX là quá trình phát triển của các lý thuyết nhân học, thoát ly dần tính cực đoan một chiều, chú ý nhiều đến tính hình thái của hiện tượng văn hoá, mà chưa đặt chúng trong mối quan hệ đa chiều với môi trường, cộng đồng cư dân các bộ lạc, chủ nhân sáng tạo và truyền bá các hiện tượng văn hoá đó (Ngô Đức Thịnh, 1993, 2005).

Cuối những năm 1970 và đầu những năm 1980, các nhà nhân học Xô Viết đã xuất bản công trình “Trung tâm và ngoại vi trong nghiên cứu văn hoá từ sau các phát kiến địa lý” (Nhiều tác giả, 1979). Trong đó họ đã xem xét vấn đề trung tâm và ngoại vi của văn hoá từ thực tế hình thành và phát triển các nền văn minh lớn trên thế giới, như văn minh Đông Á (văn minh Trung Hoa là trung tâm), văn minh Nam Á (văn minh Ấn Độ là trung tâm)... Ở đây có sự tác động giữa trung tâm và các ngoại vi văn hoá, như giữa văn minh Trung Hoa với các vùng ngoại vi Nhật Bản, Triều Tiên, Việt Nam..., văn minh Ấn Độ với các nền văn hoá khác ở Nam Á, Đông Nam Á...

Những vấn đề nghiên cứu khu vực dưới cái nhìn giữa trung tâm và ngoại vi vẫn được các nhà nghiên cứu Nhật Bản, Hàn Quốc và Việt Nam quan tâm trong

nghiên cứu khu vực văn hoá hiện nay. Đặc biệt gần đây, GS. Michio Sounary (Nhật Bản) đã xuất bản công trình “*Trung tâm và ngoại vi từ nghiên cứu thực địa*” (1999), đề cập tới các văn hoá khu vực Đông Á.

2. Tiến tới xây dựng lý thuyết về “trung tâm và ngoại vi” trong nghiên cứu không gian văn hoá

Như trên đã đề cập, thuyết “trung tâm và ngoại vi” trong nghiên cứu không gian văn hoá chưa bao giờ được coi là hoàn chỉnh, mà còn là một vấn đề mở, đòi hỏi thông qua các nghiên cứu cụ thể để bổ sung hoàn thiện hơn.

Trong quá trình hình thành một không gian địa-văn hoá nào đó thì vai trò của trung tâm là hết sức quan trọng, nó vừa chứa đựng các đặc trưng văn hoá của vùng, tạo nên động năng trong phát triển, có sức thu hút và lan toả văn hoá và tất nhiên nó quy định xu hướng phát triển của toàn bộ vùng văn hoá. Những điều kiện cần thiết để trở thành một trung tâm văn hoá, trước nhất phụ thuộc vào hoàn cảnh địa lý tự nhiên thuận lợi để định hình một hay nhiều hướng khai thác tài nguyên và phát triển kinh tế, là đầu mối các con đường giao thông thuỷ và bộ, nơi tập trung dân cư và động năng lớn trong phát triển dân số, là trung tâm chính trị và quyền lực... Trên cái nền tự nhiên, kinh tế, xã hội và chính trị đó, tạo nên sự năng động trong thu hút, lên khuôn và lan toả văn hoá tới các vùng ngoại vi.

Đặc trưng cơ bản của trung tâm văn hoá là *thu hút, tích hợp, lên khuôn và lan toả*. Do vị trí địa lý, kinh tế, chính trị và xã hội mà trung tâm bao giờ cũng có sức thu hút và tích hợp cao các nhân tố văn hoá từ ngoại vi, đó là chức năng “tụ nhân, tụ tài” của trung tâm. Tuy

nhiên, khi các nhân tố văn hoá được tích hợp và thu hút vào trung tâm, thì trên nền tự nhiên, kinh tế, chính trị và xã hội luôn sống động đó, các nhân tố văn hoá được nhào nặn, tái cấu trúc hoá và lên khuôn, tạo nên sản phẩm văn hoá thường mang tính định hình cao. Từ các sản phẩm văn hoá được lên khuôn như vậy và với động năng của trung tâm, văn hoá từ trung tâm lại lan toả, ảnh hưởng, lan truyền ra ngoại vi, một mặt tạo nên sự thống nhất diện mạo văn hoá của vùng, mặt khác, trung tâm tạo ra sức định hướng trong sự biến đổi văn hoá của vùng. Hơn thế nữa, do giữ vị trí trung tâm, nó luôn là đầu mối giao lưu văn hoá không chỉ nội vùng, mà còn với văn hoá ngoài khu vực, là khâu trung gian chuyển tải các giao lưu văn hoá từ các trung tâm và khu vực văn hoá lớn hơn trên thế giới.

Ngoại vi văn hoá, không chỉ chịu sự tác động thu hút của trung tâm, cung cấp các “nguyên liệu” văn hoá cho trung tâm, mà còn chịu và tiếp nhận sự lan toả văn hoá từ trung tâm. Do vậy, ngoại vi văn hoá bao giờ cũng tĩnh lặng, ít sôi động hơn so với trung tâm, nhiều hiện tượng văn hoá khi lan toả tới ngoại vi thì thường bị “hoá thạch” và giữ lại các dạng thức nguyên thủy hơn so với trung tâm. Đó chính là hiện tượng “*hoá thạch ngoại biên của văn hoá*”. Hiện tượng này có nét gì đó giống với sóng nước khi chúng ta ném một hòn đá xuống mặt ao, hồ, nơi hòn đá tiếp xúc với nước thì sóng nước dày hơn, cao hơn, càng ra xa thì càng thưa hơn, sóng thấp hơn và cuối cùng nó tĩnh lặng trên mặt nước.

Như vậy, khác với các quan điểm “truyền bá luận” hay quan điểm trung tâm và ngoại vi của nhân học Mỹ, trung

tâm và ngoại vi đều tham gia vào quá trình sáng tạo và lan truyền văn hoá. Đó là sự tác động qua lại đa chiều, chứ không hoàn toàn thụ động một chiều như các nhà chủ nghĩa chủng tộc văn hoá chủ trương.

Các vấn đề lý thuyết trình bày trên có thể áp dụng để xem xét các quá trình hình thành và biến đổi văn hoá ở các vùng văn hoá cụ thể.

- Trường hợp văn hoá Đông Á

Như cách phân chia các khu vực văn hoá trên thế giới của các nhà nhân học Liên Xô cũ thì Đông Á là một trong 16 khu vực văn hoá lớn, tương đương với Đông Nam Á, Nam Á (Hindustan), Trung Á, Siberia... Ở khu vực văn hoá Đông Á này, rõ ràng văn hoá Trung Hoa, trong đó văn hoá Hoa Hạ, khu vực nằm giữa trung lưu của sông Trường Giang và Hoàng Hà là trung tâm, còn các vùng bao quanh, thuộc khu vực cư trú của người Bách Việt ở phía Nam, Bắc Địch ở phía Bắc, Khương Nhung ở phía Tây và Đông Di (gồm cả người Triều Tiên và Nhật Bản) ở phía Đông là các bộ lạc ở vùng ngoại vi của văn hoá Hoa Hạ.

Vùng ngoại vi của văn minh Trung Hoa ít nhất có hai vòng, vòng thứ nhất là vòng kế cận với trung tâm Hoa Hạ, mà thư tịch Trung Quốc xưa thường gọi với các tên như Bách Việt (hay Nam Man) ở phía Nam, Bắc Địch (các bộ lạc chăn nuôi du mục ở phía Bắc), Khương Nhung ở phía Tây Tạng, Tân Cương, Tứ Xuyên ngày nay. Riêng vùng Bách Việt phương Nam đã bắt đầu có quan hệ qua lại với vùng trung tâm Hoa Hạ từ thời Tây Hán. Vòng ngoài của trung tâm văn minh Trung Hoa là các quốc gia chịu ảnh hưởng văn minh Hán tộc,

gồm Nhật Bản, Triều Tiên, Việt Nam. Nhiều công trình nghiên cứu các mối quan hệ tác động hai chiều, từ ngoại vi thu hút vào trung tâm và từ trung tâm lan toả ra ngoại vi của nền văn minh Đông Á này.

Bách Việt ở phía Nam sông Dương Tử, với hàng trăm cộng đồng tộc người và cùng với nó là nhiều quốc gia cổ đại, tiêu biểu như Sở, Ngô, Việt... Mở đầu từ việc Tần diệt Sở, quốc gia phi Hán đầu tiên và kết thúc là Nguyên Mông diệt Nam Chiếu thế kỷ XIII, toàn bộ Nam Trung Hoa đã bị Hán hoá về văn hoá và hàng trăm vương quốc lớn nhỏ đã gia nhập vào quốc gia Hán, Đường, Nguyên. Còn với Văn Lang - Âu Lạc của người Việt cổ thì cũng dần dần đi vào quỹ đạo ngoại vi văn hoá Trung Hoa từ thời Bắc thuộc. Việc tiếp nhận các mẫu hình văn hoá Trung Hoa trong các tộc người và quốc gia Bách Việt thể hiện trên nhiều phương diện, như kỹ thuật sản xuất, tổ chức nhà nước và luật pháp, ngôn ngữ, văn tự, tôn giáo, văn học nghệ thuật... đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Tuy nhiên, những tác động từ văn hoá Bách Việt trở lại với văn hoá Hán còn ít được quan tâm.

Gần đây, đã có những công trình nghiên cứu các biểu tượng Rồng, Hổ của văn minh Trung Hoa, và cho rằng những biểu tượng này có nguồn gốc từ Bách Việt. Tchesnov Y.V., một học giả Liên Xô cũ, đã dành riêng một chương sách nói về hình tượng con rắn, cá sấu, thường luồng, có gốc từ cư dân Bách Việt, mang biểu tượng của sông nước, thuỷ thần, thế giới âm, đã được thu hút vào văn minh Trung Hoa, sau đó được nhào nặn, lên khuôn trở thành con vật mang tính lưỡng nguyên, biểu tượng cho

nước và trời, cho âm và dương, nhất là lại gắn với thể chế vương quyền, biểu tượng cho quyền lực thiên tử. Và chính con rồng mang tính đa nguyên, đa biểu tượng này lan toả từ văn minh Trung Hoa tới các dân tộc, quốc gia ngoại vi (Tchesnov Y.V., 1974).

Cũng như vậy, người ta nói tới biểu tượng Hổ, Ngủ Hổ của văn minh Trung Hoa, vốn có nguồn gốc từ văn hoá Ba Thục, đã được Trung Hoa tiếp thu, lên khuôn và cấu trúc hoá như thế nào, và nó lan toả trở lại như thế nào tới các vùng ngoại vi của nền văn minh này. Cũng với cách nghiên cứu mối quan hệ giữa ngoại vi và trung tâm văn hoá như vậy, chúng ta cũng có thể tìm thấy mối quan hệ hai chiều giữa trung tâm Trung Hoa với các vùng ngoại vi ở phía Bắc, các quốc gia phía Đông, như Nhật Bản và Triều Tiên.

- Trường hợp so sánh văn hoá Việt Nam và Hàn Quốc

Quy luật của thu hút, tích hợp văn hoá của trung tâm bao giờ cũng là “lên khuôn”, “cấu trúc hoá”, nâng cao như đã đề cập, còn khi vùng ngoại vi tiếp nhận những ảnh hưởng từ trung tâm thì bao giờ cũng là “bản địa hoá”, tạo nên tính đa dạng cao của văn hoá khu vực. Đó là trường hợp văn hoá Việt Nam và Hàn Quốc tiếp nhận văn hoá Trung Hoa. Đơn cử người Hàn Quốc tiếp nhận Nho giáo Trung Hoa từ thời nhà Tống theo chiều hướng “Tân Nho học”, tức Lý học kết hợp với chế độ “đẳng cấp”, “tôn ti” thể tập truyền thống đã củng cố sự phân cấp xã hội khá nghiêm ngặt, nó trở thành hệ tư tưởng thống trị chi phối các quan hệ xã hội và nhà nước suốt từ sau thời kỳ Goryeo (918-1392) cho đến Chosun (1392-1910), đồng thời Khổng

giáo cũng góp phần củng cố gia đình gia trưởng (gia môn) tạo nên sự gắn bó chặt chẽ quan hệ huyết thống và chủ nghĩa gia đình trong xã hội Hàn Quốc cho tới ngày nay (Kak Myuong Ku, 2008, tr.14; Trần Thị Thu Lương, 2011, tr.56-57).

Cũng trong bối cảnh như vậy, Việt Nam tiếp nhận Nho giáo Trung Hoa từ thời nhà Tống theo chiều hướng kết hợp với lòng yêu nước chống ngoại xâm, hình thành chủ nghĩa yêu nước, thân dân (Nguyễn Trãi) trong tầng lớp thống trị phong kiến và trí thức nho học. Ngoài ra, Nho học Trung Hoa về phương diện ứng xử và lễ thức đã góp phần đáng kể cho việc hình thành nhân cách và nếp sống tôn ti trong gia phong của gia đình Việt Nam.

Khoảng hai thập niên gần đây, Hội Folklore châu Á (gồm Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Việt Nam, Mông Cổ, Đài Loan, Lào, Campuchia, Malaysia, Thailand...) đã kiên trì nghiên cứu so sánh các hiện tượng Folklore như lễ hội, thờ cúng, lịch tiết, phong tục... của các dân tộc trong khu vực, trong đó nhiều hiện tượng có nguồn gốc từ văn hoá Trung Hoa đã được tích hợp và lan toả đến các dân tộc ngoại vi, từ đó tạo nên tính thống nhất và tính đa dạng của văn hoá khu vực. Thí dụ, tết Đoan Ngọ vốn là từ văn hoá Trung Hoa, sau đó lan toả sang Nhật Bản, Hàn Quốc, Triều Tiên, Đài Loan, Việt Nam. Tuy nhiên, chỉ ở Hàn Quốc lễ tết Đoan Ngọ mới được phát triển mạnh và trở thành ngày Tết quan trọng của nước này. Đây là lý do khiến UNESCO tôn vinh tết Đoan Ngọ của Hàn Quốc, chứ không phải của Trung Hoa, là Di sản văn hoá phi vật thể của nhân loại năm 2009 (The Asian Folklore Association, 2006).

Theo chúng tôi, chương trình nghiên cứu tính tương đồng và khác biệt của văn hoá Việt Nam và Hàn Quốc cũng nên đặt nó trong khuôn khổ phương pháp luận của lý thuyết “Trung tâm và ngoại vi” như đã nêu trên. Tất nhiên, lý thuyết này cần phải nhìn nhận khác đi trong bối cảnh xã hội hiện đại khi mà các nước ngoại vi của văn hoá Trung Hoa truyền thống đã có sự thay đổi đáng kể. Ví như Nhật Bản, thông qua chính sách thân phương Tây thời Minh Trị đã thực hiện chính sách “giải Hoa hoá” thành công, tạo nên bước phát triển thần kỳ Nhật Bản. Hàn Quốc thông qua thời kỳ lệ thuộc vào Nhật Bản và giai đoạn thân Mỹ với sự tiếp nhận Cơ đốc giáo cũng đã thực hiện quá trình “giải Hoa hoá” thành công, góp phần tạo nên sự phát triển vượt bậc về kinh tế và “làn sóng văn hoá Hàn” lan ra cả Đông Á, Đông Nam Á, Trung Á. Chỉ có Việt Nam sau bao lần bỏ lỡ cơ hội “giải Hoa”, để rồi sau đó vẫn loanh quanh chưa thoát ra ngoài vị trí “ngoại biên”. Đây thực sự là sự lựa chọn đã ảnh hưởng nhiều đến sự phát triển của dân tộc (Giáp Văn Dương, 2001).

- Trường hợp văn hoá Thăng Long-Hà Nội

Trong phạm vi văn hoá Việt Nam, chúng ta cũng có thể ứng dụng lý thuyết trung tâm và ngoại vi để nghiên cứu văn hoá Thăng Long-Hà Nội với tư cách là trung tâm, đặt trong không gian văn hoá đồng bằng Bắc bộ.

Trước khi mang tên Thăng Long, kinh đô của quốc gia Đại Việt có tiền thân là Đại La, trị sở quyền lực của những kẻ xâm lược phương Bắc thời gian trước đó. Thăng Long là nơi có vị trí đặc địa như *Chiếu dời đô* của vua Lý

Công Uẩn khẳng định. Từ khi trở thành trung tâm chính trị, xã hội và văn hoá của cả nước, Thăng Long trở thành một trung tâm có sức thu hút và lan toả, ít nhất với vùng ngoại vi đồng bằng Bắc bộ và xa hơn với cả quốc gia Đại Việt đang ngày càng mở rộng cương vực về phía Nam. Thăng Long, theo cách nói của dân gian, đó là nơi “*tụ thủy, tụ nhân, tụ tài*”. Có thể nói, quá trình hình thành văn minh Thăng Long-Hà Nội là quá trình tích tụ văn hoá từ các vùng ngoại vi, trước nhất là “*tứ trấn nội Kinh*” (Kinh Bắc, Sơn Nam, Hải Đông, Sơn Tây) và xa hơn với các “*trấn ngoại kinh*”. Và cũng chính trong môi trường kinh tế, xã hội, chính trị phát triển cao của Thăng Long-Hà Nội, các nhân tố, giá trị văn hoá tích hợp từ ngoại biên đã được định hình, nâng cấp, lên khuôn để sau đó mang bản sắc Thăng Long-Hà Nội, rồi từ đây lại lan hoả tới các vùng ngoại vi và cả nước. Hơn thế nữa, các ảnh hưởng văn hoá với bên ngoài, như với Trung Hoa suốt thời đại phong kiến tự chủ và sau này trong giai đoạn tiếp xúc văn hoá Đông - Tây thời thuộc Pháp, thì những ảnh hưởng, giao lưu ấy phần lớn cũng thông qua đầu mối trung tâm Thăng Long-Hà Nội mà tác động tới cả nước.

Những giao lưu, ảnh hưởng hai chiều này giữa Thăng Long-Hà Nội với các vùng ngoại vi có thể tìm thấy trong nhiều hiện tượng và giá trị văn hoá. Chẳng hạn việc hình thành các phố nghề ở Thăng Long-Hà Nội từ các làng nghề ở vùng quê và sau đó là mối quan hệ hai chiều giữa phố nghề và làng nghề mà cho tới nay vẫn tiếp tục. Cũng như vậy, khi nghiên cứu các truyền thống trang phục, ẩm thực, các nghi lễ phong tục của người Thăng Long-Hà Nội mà lâu nay người ta vẫn ca ngợi là “văn

minh thanh lịch”. Thăng Long-Hà Nội mang bản sắc riêng so với nhiều đô thị lớn là chất dân gian, nông thôn trong lòng đô thị, tuy nhiên đã được nâng cấp, thăng hoa, tạo nên sự gắn kết nhiều mặt giữa Thăng Long-Hà Nội với nông thôn... Hơn thế, Thăng Long-Hà Nội, do vị trí trung tâm của nó nên từ lâu và luôn luôn là đất “tụ nhân, tụ tài”. Con người Hà Nội là người tứ xứ, tứ chiếng, nhưng về đây đều trở thành người Thăng Long-Hà Nội, người kinh đô, người Tràng An, trong đó có không ít người trở thành bộ mặt, tinh hoa của cả nước.

Cũng trong mối quan hệ tác động hai chiều trung tâm và ngoại vi này, không chỉ văn hoá Thăng Long-Hà Nội hình thành và phát triển, mà văn hoá các vùng ngoại vi cũng biến đổi và phát triển hơn (Ngô Đức Thịnh, 2006).

Hà Nội thời hiện đại đang mang trong mình trọng trách của truyền thống, là trung tâm của cả nước, vừa thu hút vừa lan toả, vừa tích hợp vừa phát sáng. Và như vậy, quy luật trung tâm và ngoại vi vẫn là cơ sở lý thuyết để nhìn nhận các vấn đề văn hoá và xã hội thời hiện đại □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A. Perxisk (1972), Truyền bá luận (khuyến tán luận), Trong: Đại bách khoa toàn thư Xô Viết, Moscow.
2. A.L.Kroeber (1925), *Handbook of the Indian of California*, Washington.
3. CL. Wissler (1922), *American Indian*, New York.
4. Giáp Văn Dương (2001), *Thoát Trung Luận*, www.Giapvan ngày 13/8/2001.
5. F. Grabner (1911), *Methode der ethnologie*, Heidelberg.
6. F. Ratsel (1982), *Anthropogeographie*, Stuttgart.
7. Tchesnov Y.V. (1974), *Dân tộc học lịch sử các nước Đông Dương*, Moscow.
8. Kak Myuong Ku (2008), *Sự hình thành xã hội Hàn quốc đương đại: Truyền thống và hiện đại. “Xã hội Hàn quốc hiện đại”*, Giáo trình Hàn quốc học, Q.4, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội.
9. Trần Thị Thu Lương (2011), *Đặc trưng văn hoá Hàn Quốc, Từ truyền thống đến hiện đại*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.
10. Nhiều tác giả (1979), *Trung tâm và ngoại vi trong nghiên cứu văn hoá sau các phát kiến địa lý*, Nxb. Khoa học, Moscow.
11. Ngô Đức Thịnh (2006), Bốn luận điểm phương pháp luận trong nghiên cứu Thăng Long-Hà Nội, Trong: *Văn hoá, văn hoá tộc người, văn hoá Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
12. Ngô Đức Thịnh (1993), *Văn hoá vùng và phân vùng văn hoá ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
13. The Asian Folklore Association (2006), *The Values and Divéity of Asian folklore in the global intergration*, The Gioi Publishers House Hanoi.
14. W. Schmidt (1927), *Handbuch der methode der kulturhistoiri chen Ethnologie*, Munster.